

HOÀN THIỆN CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ LOẠI TRỪ TRÁCH NHIỆM BẢO HIỂM TRONG BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ¹

LÊ THỊ HƯƠNG GIANG - BSH

PHẠM THỊ THÚY HẰNG - PTI



Trong Hợp đồng bảo hiểm nói chung và bảo hiểm phi nhân thọ nói riêng thường có điều khoản loại trừ bảo hiểm. Bài viết dưới đây xin được nêu lên một số ý kiến về thực tiễn áp dụng, một số bất cập trong quy định pháp luật và các tranh chấp thường xảy ra liên quan đến điều khoản loại trừ bảo hiểm. Đồng thời

cũng xin đóng góp một số ý kiến nhằm hoàn thiện các quy định pháp luật về loại trừ trách nhiệm bảo hiểm trong bảo hiểm phi nhân thọ.

I. Khái quát về điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm

1. Sơ lược về bộ Hợp đồng bảo hiểm Quy tắc bảo hiểm

Một bộ hợp đồng bảo hiểm thông thường bao gồm những tài liệu sau: Hợp đồng bảo hiểm do các bên ký kết và/hoặc Giấy chứng nhận bảo hiểm (do DNBH cấp trên cơ sở Giấy Yêu cầu bảo hiểm do Người được bảo hiểm lập). Nội dung của HĐBH theo quy định của pháp luật (dẫn chiếu dưới đây) bao gồm tối thiểu các nội dung sau: tên NĐBH, đối tượng bảo hiểm, phạm vi bảo hiểm, quy tắc bảo hiểm áp dụng, thời hạn bảo hiểm, mức phí bảo hiểm, thời hạn thanh toán, mức khấu trừ, các điều khoản sửa đổi bổ sung, điều khoản giải quyết tranh chấp, quyền và nghĩa vụ của các bên v.v.

2. Quy tắc bảo hiểm (Policy) là gì?

¹ Sử dụng hình ảnh trên trang wisegeek.com (Civillawinfor)

Quy tắc bảo hiểm là một bộ phận đính kèm, quan trọng không thể tách rời của Hợp đồng bảo hiểm. Quy tắc bảo hiểm, cùng với Hợp đồng bảo hiểm và/hoặc Giấy Chứng nhận bảo hiểm làm nên một bộ Hợp đồng bảo hiểm hoàn chỉnh.

Quy tắc bảo hiểm bao gồm (i) Điều khoản chính (Operative Clause), quy định phạm vi bảo hiểm và thường được bắt đầu bằng những chữ như “Công ty Bảo hiểm ABC sẽ ...”, sau đó sẽ tiếp tục nêu một cách chính xác những gì công ty bảo hiểm này cam kết thực hiện. Đây là phạm vi bảo hiểm theo Quy tắc/Hợp đồng bảo hiểm; (ii) Điều kiện bảo hiểm: là các điều kiện mà theo đó, người được bảo hiểm (NDBH) phải tuân theo mọi điều khoản của Quy tắc/Đơn bảo hiểm; Yêu cầu đối với NDBH về việc phải thông báo cho DNBH bất cứ thay đổi quan trọng nào về rủi ro; Thủ tục áp dụng khi có khiếu nại bồi thường, thời gian thông báo khiếu nại; Hậu quả do gian lận; Nghĩa vụ của NDBH về hạn chế tổn thất, thiệt hại phát sinh v.v.; (iii) Điều khoản loại trừ (Exceptions) chỉ rõ các rủi ro nào không được bảo hiểm. (iv) Các Phụ lục, sửa đổi bổ sung khác v.v.

3. Điều khoản loại trừ bảo hiểm

Điều khoản loại trừ (Exceptions) là một thành phần không thể thiếu của Quy tắc/Đơn bảo hiểm. Các điều khoản này chỉ rõ các rủi ro nào không được bảo hiểm. Hay nói cách khác, đây là những trường hợp có tổn thất xảy ra nhưng không thuộc phạm vi, trách nhiệm bồi thường của doanh nghiệp bảo hiểm (DNBH). Ngay cả trường hợp bảo hiểm mọi rủi ro thì vẫn có những điều khoản loại trừ, cũng có nghĩa là không phải cứ tham gia bảo hiểm mọi rủi ro thì tổn thất nào cũng được bồi thường. Những tổn thất thuộc một trong những nguyên nhân loại trừ gây nên sẽ không được bồi thường.

Vậy thì vì sao lại có điều khoản này trong tất cả các Quy tắc bảo hiểm? như ta đã biết, bản chất của bảo hiểm là chuyển giao rủi ro và bảo vệ về mặt tài chính trước những hậu quả có thể xảy ra. Nguyên tắc của bảo hiểm là chỉ bảo vệ cho những rủi ro/sự cố xảy ra một cách ngẫu nhiên (những rủi ro chắc chắn sẽ xảy ra ví dụ như hao mòn, khấu hao ... không bao giờ được bảo hiểm), NDBH phải có lợi ích tài chính đối với tài sản được bảo hiểm, và giao dịch bảo hiểm không được trái pháp luật, chuẩn mực đạo đức xã hội và lợi ích công cộng. Trong quá trình cung cấp dịch vụ bảo hiểm, không thể liệt kê một cách đầy đủ và chi tiết

về những trường hợp được và không được bảo hiểm, nên cách tốt nhất là có một danh sách các trường hợp loại trừ bảo hiểm.

Những tranh chấp liên quan tới các khiếu nại bồi thường là không tránh khỏi trong quá trình giao dịch bảo hiểm. NĐBH sẽ luôn cảm thấy rằng do họ đã thanh toán phí bảo hiểm nên họ có quyền được thanh toán cho mọi khiếu nại bồi thường. Do vậy, DNBH cần phải nêu rõ các trường hợp loại trừ bảo hiểm và diễn đạt chúng ngắn gọn trong Quy tắc bảo hiểm.

Tùy từng loại hình bảo hiểm và từng hợp đồng cụ thể, các loại trừ bảo hiểm thông thường nhất của bảo hiểm PNT nói chung có thể là:

a) Trong đơn bảo hiểm tài sản và mọi rủi ro có thể có một số loại trừ sau:

- Động đất và cháy ngầm, bạo loạn và bạo động, chiến tranh v.v.
- Nhiễm phóng xạ; chiến tranh, bạo loạn, bạo động; động đất, núi lửa phun bên ngoài một giới hạn lãnh thổ; bị hải quân bắt giữ; hao mòn, giảm giá trị dần dần, sâu mọt; trục trặc điện, máy móc ...

b) Đơn bảo hiểm xây dựng, lắp đặt thì ngoài các loại trừ trên thường có thêm các điểm loại trừ như: khuyết tật nguyên vật liệu, lỗi tay nghề, lỗi thiết kế, hao mòn, rỉ sét, khấu hao thông thường;

c) Trong đơn bảo hiểm hàng hóa trong quá trình vận chuyển có thể có các loại trừ như trên, có thể có thêm các loại trừ như trễ chuyến, mất thị trường, tổn thất gián tiếp các loại, hàng giảm phẩm chất và những thay đổi do nguyên nhân tự nhiên; trộm cắp hoặc ăn cắp vật có sự trợ giúp hoặc đồng lõa từ phía nhân viên của người được bảo hiểm v.v.;

d) Trong đơn bảo hiểm xe cơ giới có thể có các loại trừ sau: hao mòn, khấu hao, sự cố điện của xe; hỏng lốp xe do sử dụng phanh, lốp bị cắt hay bị nổ lốp v.v..

đ) Đối với đơn bảo hiểm sức khỏe, các điểm loại trừ mà người mua bảo hiểm cần lưu ý đó là thiệt hại hoặc sự kiện bảo hiểm xảy ra do lỗi cố ý của người tham gia bảo hiểm hoặc người được hưởng quyền lợi bảo hiểm (khi việc chi trả quyền lợi bảo hiểm đem lại lợi ích cho những người nói trên mà bản thân họ có lỗi cố ý gây ra thiệt hại hoặc rủi ro sự kiện bảo hiểm) như tự tử, đánh nhau (không phải phòng vệ chính đáng), vi phạm pháp luật, không tuân thủ uống

thuốc theo đơn chỉ định của bác sĩ, không tuân thủ nội quy an toàn lao động bị tai nạn lao động,...

II. Quy định của pháp luật

1. Luật Kinh doanh bảo hiểm (KDBH)

Khoản 1 Điều 13 Luật KDBH quy định Nội dung của HĐBH cần phải có những nội dung sau đây: *d) Điều kiện bảo hiểm, điều kiện bảo hiểm, điều khoản bảo hiểm; đ) Điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm.*

Điều 16 Luật KDBH quy định: *(1) Điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm quy định trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm không phải bồi thường hoặc không phải trả tiền bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm; (2) Điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm phải được quy định rõ trong HĐBH. DNBH phải giải thích rõ cho bên mua bảo hiểm khi giao kết hợp đồng; (3) Không áp dụng điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm trong các trường hợp sau đây: a) Bên mua bảo hiểm vi phạm pháp luật do vô ý; b) Bên mua bảo hiểm có lý do chính đáng trong việc chậm thông báo cho DNBH về việc xảy ra sự kiện bảo hiểm.*

2. Bộ luật Hàng hải (BLHH): Chương XVIII về Hợp đồng bảo hiểm, Điều 325 về miễn trách nhiệm đối với người bảo hiểm quy định các trường hợp NDBH không phải chịu trách nhiệm bồi thường như sau:

1. *Trừ trường hợp có thỏa thuận khác trong hợp đồng bảo hiểm, khi bảo hiểm tàu biển và bảo hiểm đối với giá dịch vụ vận chuyển, người bảo hiểm không chịu trách nhiệm về các tổn thất phát sinh trong trường hợp sau đây:*

a) Tàu biển không đủ khả năng an toàn đi biển vào lúc bắt đầu chuyến đi, trừ trường hợp tàu biển có khuyết tật ẩn tàng hoặc khi xảy ra các tình huống không thể tránh khỏi mặc dù người được bảo hiểm đã có sự quan tâm thích đáng;

b) Bốc lên tàu biển các chất hoặc vật liệu dễ nổ, dễ cháy hoặc những hàng hóa nguy hiểm khác không phù hợp với những quy định về việc vận chuyển loại hàng hóa này, nếu người được bảo hiểm biết nhưng người bảo hiểm không biết.

2. *Trừ trường hợp có thỏa thuận khác trong hợp đồng bảo hiểm, khi bảo hiểm hàng hóa, người bảo hiểm không chịu trách nhiệm về các tổn thất phát sinh trong trường hợp sau đây: a) Tính chất tự nhiên của hàng hóa; b) Hàng hóa rò*

ri, hao hụt hoặc hao mòn tự nhiên; c) Đóng gói không đúng quy cách hoặc không thích hợp; d) Chậm trễ trong việc cung ứng hàng hóa.

3. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác trong hợp đồng bảo hiểm, người bảo hiểm không chịu trách nhiệm đối với tổn thất của đối tượng bảo hiểm xảy ra do chiến tranh hoặc những hoạt động quân sự với bất kỳ tính chất nào và hậu quả của nó; bị cưỡng đoạt; gây rối; đình công hoặc những tổn thất xảy ra do hành động trưng thu, trưng dụng, trưng mua, bắt giữ, phá hủy tàu biển hoặc hàng hóa theo mệnh lệnh quân sự hoặc quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Nghị định 23/2018/NĐ-CP ngày 23-02-2018 của Chính phủ quy định về bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc

Khoản 2 Điều 6 quy định các trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm như sau: a) Đối với cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ nêu tại khoản 1 Điều 2 Nghị định này (trừ cơ sở hạt nhân), doanh nghiệp bảo hiểm không có trách nhiệm bồi thường bảo hiểm trong các trường hợp sau: Động đất, núi lửa phun hoặc những biến động khác của thiên nhiên; Thiệt hại do những biến cố về chính trị, an ninh và trật tự an toàn xã hội gây ra; Tài sản bị đốt cháy, làm nổ theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; Tài sản tự lên men hoặc tự tỏa nhiệt; tài sản chịu tác động của một quá trình xử lý có dùng nhiệt; Sét đánh trực tiếp vào tài sản được bảo hiểm nhưng không gây cháy, nổ; Nguyên liệu vũ khí hạt nhân gây cháy, nổ; Máy móc, thiết bị điện hay các bộ phận của thiết bị điện bị thiệt hại do chịu tác động trực tiếp của việc chạy quá tải, quá áp lực, đoản mạch, tự đốt nóng, hồ quang điện, rò điện do bất kỳ nguyên nhân nào, kể cả do sét đánh; Thiệt hại do hành động cố ý gây cháy, nổ của người được bảo hiểm; do cố ý vi phạm các quy định về phòng cháy, chữa cháy và là nguyên nhân trực tiếp gây ra cháy, nổ; Thiệt hại đối với dữ liệu, phần mềm và các chương trình máy tính; Thiệt hại do đốt rừng, bụi cây, đồng cỏ, hoặc đốt cháy với mục đích làm sạch đồng ruộng, đất đai; b) Đối với cơ sở hạt nhân: Doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm thỏa thuận về các trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm trên cơ sở được doanh nghiệp nhận tái bảo hiểm chấp thuận.

4. Nghị định 119/2015/NĐ-CP ngày 13-11-2015 của Chính phủ quy định bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng

Khoản 2 Điều 6 quy định các trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm như sau: *Doanh nghiệp bảo hiểm không có trách nhiệm bồi thường cho các tổn thất sau: a) Tổn thất phát sinh từ hành vi cố ý; b) Tổn thất không mang tính ngẫu nhiên; c) Tổn thất không lượng hóa được bằng tiền; d) Tổn thất mang tính thảm họa; đ) Tổn thất phát sinh trong trường hợp bên mua bảo hiểm không có quyền lợi có thể được bảo hiểm.*

5. Nghị định 103/2008/NĐ-CP ngày 16-9-2008 của Chính phủ quy định về bảo hiểm trách nhiệm dân sự bắt buộc chủ xe cơ giới và Nghị định 214/2013/NĐ-CP ngày 20-12-2013 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 103/2008/NĐ-CP đã quy định về các trường hợp loại trừ bảo hiểm như sau:

- “1. Hành động cố ý gây thiệt hại của chủ xe, lái xe, hoặc của người bị thiệt hại.*
- 2. Lái xe gây tai nạn cố ý bỏ chạy không thực hiện trách nhiệm dân sự của chủ xe, lái xe cơ giới.*
- 3. Lái xe không có Giấy phép lái xe hoặc Giấy phép lái xe không phù hợp đối với loại xe cơ giới bắt buộc phải có Giấy phép lái xe.*
- 4. Thiệt hại gây ra hậu quả gián tiếp như: giảm giá trị thương mại, thiệt hại gắn liền với việc sử dụng và khai thác tài sản bị thiệt hại.*
- 5. Thiệt hại đối với tài sản bị mất cắp hoặc bị cướp trong tai nạn.*
- 6. Chiến tranh, khủng bố, động đất.*
- 7. Thiệt hại đối với tài sản đặc biệt bao gồm: vàng, bạc, đá quý, tiền, các loại giấy tờ có giá trị như tiền, đồ cổ, tranh ảnh quý hiếm, thi hài, hài cốt.”*

III. Tranh chấp liên quan đến điều khoản loại trừ bảo hiểm, một số bất cập trong giải quyết tranh chấp tại Việt Nam và kiến nghị

1. Tranh chấp liên quan đến điều khoản loại trừ bảo hiểm

Điều khoản loại trừ bảo hiểm là một trong những yếu tố khiến cho mọi người cảm thấy nghi ngờ và không tin tưởng vào bảo hiểm, nhất là khi một đơn bảo hiểm có áp dụng Loại trừ bảo hiểm dẫn đến việc khiếu nại bồi thường không được đáp ứng/bị từ chối. Và mặc dù pháp luật cũng như hợp đồng bảo hiểm, quy tắc bảo hiểm đều quy định rõ ràng nhưng vẫn có rất nhiều tranh chấp phát sinh từ những khiếu nại bồi thường bị từ chối vì lý do này.

Trên thực tế, không phải lúc nào tranh chấp cũng được nhìn nhận và giải quyết theo đúng nguyên lý và quy định pháp luật. Xin lấy một số ví dụ sau:

1.1. Vụ thứ nhất: Bản án số 04/2014/KDTM-PT ngày 21-10-2014 của TAND tỉnh Thái Bình về việc tranh chấp hợp đồng bảo hiểm Tàu biển, nội dung tóm tắt như sau:

- Nguyên đơn là Công ty cho thuê Tài chính 1 - Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam và Xí nghiệp vận tải biển Thái Thụy. Bị đơn là Công ty Bảo hiểm BSH.

- Nguyên đơn khởi kiện BSH về việc từ chối bồi thường tổn thất do sự cố chìm tàu “Trà lý 18 – ALCI” với lý do “Tàu Trà lý 18-ALCI khi hành trình đã hoạt động ngoài phạm vi cho phép của tàu”, thuộc trường hợp loại trừ bảo hiểm. Nguyên đơn yêu cầu BSH bồi thường số tiền là 8,5 tỷ cùng lãi suất trả chậm là 3,1 tỷ, tổng số tiền yêu cầu bồi thường là 11,6 tỷ đồng.

Tại phiên xét xử sơ thẩm, Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình đã ra phán quyết buộc BSH phải bồi thường 11,6 tỷ theo yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn và chịu toàn bộ án phí sơ thẩm là 119,6 triệu đồng.

Ngày 12-6-2015, BSH đã kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị TAND tỉnh Thái Bình sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với lý do “Sự cố chìm tàu Trà Lý 18 thuộc trường hợp loại trừ bảo hiểm được quy định tại Quy tắc Bảo hiểm, do đó BSH không có trách nhiệm phải bồi thường”.

Tại phiên phúc thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình đã nhận định: “Việc BSH từ chối trách nhiệm bảo hiểm đối tàu Trà Lý 18 - ALCI là có căn cứ, phù hợp với thỏa thuận mà các bên đã ký kết trong HĐBH và Phụ lục hợp đồng, phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật”. Trên cơ sở đó, Tòa án cấp phúc thẩm đã ra phán quyết như sau: *Sửa bản án sơ thẩm số 04/2014/KDTM ngày 05-6-2014 của TAND thành phố Thái Bình. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn về việc yêu cầu BSH phải bồi thường 11,6 tỷ đồng. Nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm.* Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

1.2. Vụ thứ hai: Bản án số 113/2017/KDTM-PT ngày 20-10-2014 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về việc tranh chấp hợp đồng bảo hiểm Xe cơ giới, nội dung tóm tắt như sau:

- Nguyên đơn là Công ty TNHH Concept; Bị đơn là Công ty Bảo hiểm MIC.
- Nguyên đơn khởi kiện MIC về việc từ chối trả tiền bồi thường bảo hiểm tai nạn xe cơ giới vì nguyên nhân gây ra tai nạn là “Lái xe có sử dụng rượu, bia và chất kích thích khác mà pháp luật cấm sử dụng”, thuộc trường hợp loại trừ bảo hiểm.

Tòa án cấp sơ thẩm đã ra phán quyết buộc MIC phải bồi thường theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chịu toàn bộ án phí sơ thẩm.

Tại phiên phúc thẩm, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã nhận định như sau: “Có căn cứ xác định ông C khi điều khiển ô tô đã tự gây tai nạn là có nồng độ cồn trong máu; Căn cứ điều khoản viện dẫn nêu trên thì việc ông C điều khiển xe ô tô đã tự gây tai nạn khi có nồng độ cồn trong máu thuộc trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm; Căn cứ quy định tại điểm 6.1.2 Điều 6 hợp đồng bảo hiểm hai bên thỏa thuận: Từ chối trả tiền bảo hiểm trong trường hợp không thuộc phạm vi trách nhiệm bảo hiểm hoặc trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm theo quy tắc, điều khoản, điều kiện bảo hiểm và thỏa thuận tại Hợp đồng; Tại khoản 4 Điều 8 Quy tắc bảo hiểm quy định: tai nạn xảy ra do lái xe có sử dụng rượu, bia hoặc các chất ma túy, các chất kích thích khác mà pháp luật cấm sử dụng. Do đó, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty Bảo hiểm MIC. Trên cơ sở đó, Tòa án cấp phúc thẩm đã ra phán quyết như sau: *Sửa bản án sơ thẩm số 19/2017/KDTM-ST ngày 25-8-2017 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội; Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty Bảo hiểm MIC; Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Concept; Công ty TNHH Concept phải chịu toàn bộ án phí. Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.*

Hai bản án phúc thẩm trong trường hợp này là một trường hợp điển hình về việc cấp sơ thẩm đã không nhìn nhận đúng bản chất của loại trừ bảo hiểm. Rất may mắn cho Doanh nghiệp bảo hiểm là Tòa án cấp phúc thẩm đã xem xét thấu đáo các tài liệu và chứng cứ, vận dụng rất chính xác các quy định pháp luật và quy tắc bảo hiểm để ra một bản án đúng pháp luật.

2. Bất cập trong giải quyết tranh chấp, nguyên nhân và giải pháp:

2.1. Về việc quy định điều khoản loại trừ bảo hiểm phải được quy định rõ trong hợp đồng bảo hiểm:

Trong thực tiễn khi tham gia giải quyết các vụ tranh chấp hợp đồng bảo hiểm do áp dụng điều khoản loại trừ bảo hiểm thường không được xem xét một cách toàn diện. Một số cơ quan tố tụng do chưa hiểu sâu về lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm nên đã bỏ qua quy tắc bảo hiểm, vì vậy rất nhiều điều khoản loại trừ không được Tòa án chấp nhận và cho rằng không phù hợp với quy định pháp luật do không được quy định rõ ràng trong hợp đồng bảo hiểm.

Trong khi đó, Quy tắc bảo hiểm thông thường rất dài, và phải phù hợp với thông lệ và tiêu chuẩn quốc tế (do các nhà Tái bảo hiểm thường là các nhà Tái bảo hiểm nước ngoài) nên hình thức áp dụng phù hợp nhất là được quy định ngắn gọn trong điều khoản về phạm vi bảo hiểm của Hợp đồng bảo hiểm: áp dụng quy tắc bảo hiểm số ngày của doanh nghiệp bảo hiểm ABC...”. Đồng thời, các sản phẩm bảo hiểm, quy tắc bảo hiểm của doanh nghiệp bảo hiểm đều phải được phê chuẩn hoặc báo cáo Bộ Tài chính, đây là quy định của Bộ Tài chính. Do vậy trong quá trình xét xử, nếu cơ quan tố tụng không chấp nhận Quy tắc bảo hiểm thì là một thiếu sót rất lớn làm sai lệch bản chất của bảo hiểm.

2.2. Quy định của khoản 3 Điều 16 Luật Kinh doanh bảo hiểm:

Khoản 3 Điều 16 Luật Kinh doanh bảo hiểm quy định: “*không áp dụng điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm trong các trường hợp sau đây: (a) Bên mua bảo hiểm vi phạm pháp luật do vô ý; (b) Bên mua bảo hiểm có lý do chính đáng trong việc chậm thông báo cho DNBH về việc xảy ra sự kiện bảo hiểm.*”

Đây là quy định rất vô lý, là trường hợp “loại trừ của loại trừ”, có khả năng vô hiệu hóa các quy định về loại trừ bảo hiểm đã được quy định trong Luật và Quy tắc bảo hiểm.

3. Một số kiến nghị:

- Khi thị trường bảo hiểm ngày càng phát triển thì các tranh chấp về hợp đồng bảo hiểm phát sinh ngày càng nhiều trong khi kiến thức về lĩnh vực bảo hiểm tại một số Tòa án còn hạn chế, vì vậy, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao cần ban hành các hướng dẫn cụ thể trong việc giải quyết các vụ án tranh chấp về bảo hiểm đặc biệt là các quy định liên quan đến việc áp dụng các điều

kiện loại trừ trách nhiệm trong bảo hiểm nói chung và bảo hiểm phi nhân thọ nói riêng.

- Hội đồng Thẩm phán ban hành các án lệ hoặc các văn bản hướng dẫn trong lĩnh vực bảo hiểm để các Tòa án làm cơ sở xem xét giải quyết phù hợp với quy định của pháp luật.

- Kiến nghị dự thảo sửa đổi Luật Kinh doanh bảo hiểm: sửa lại Điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm cho phù hợp với thực tiễn, bỏ quy định “phải được quy định rõ trong hợp đồng bảo hiểm”, bỏ khoản 3 Điều 16 quy định không áp dụng các trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm.

Trên đây là một số ý kiến của chúng tôi về điều khoản loại trừ bảo hiểm.

Trân trọng cảm ơn Hội nghị và chúc Hội nghị thành công tốt đẹp!



SOURCE: Kỷ yếu Hội thảo của Tòa án nhân dân tối cao về “Pháp luật kinh doanh bảo hiểm và giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ” . Nha Trang, 8/2019